

GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRONG BỐI CẢNH VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN WTO *CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC*

• **GS. TSKH. NGUYỄN MINH ĐƯỜNG**
Hội đồng Quốc gia Giáo dục

Giao dục nghề nghiệp (GDNN) giữ một vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân, có nhiệm vụ đào tạo khoảng 80% đội ngũ lao động kĩ thuật để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) nước ta trong bối cảnh kinh tế thị trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Là thành viên thứ 150 của tổ chức WTO, GDNN Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội mới, đồng thời cũng đang phải đối đầu với những thách thức to lớn.

1. Cơ hội

1.1. Một trong những khó khăn trong đào tạo của chúng ta hiện nay là kinh tế chưa phát triển, nhu cầu về lao động kĩ thuật (LĐKT) chưa cao trong khi nhu cầu học tập và nghề nghiệp của thanh thiếu niên lại rất lớn. Cung vượt quá cầu về nhân lực, dẫn đến tình trạng là một số lượng không nhỏ học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp không tìm được việc làm hoặc phải làm những công việc không đúng với ngành nghề và trình độ được đào tạo nên đã tạo ra nguy cơ thất nghiệp cho một bộ phận LĐKT được đào tạo và làm giảm hiệu quả của GDNN.

Là thành viên chính thức của WTO, các nước cũng như các tổ chức quốc tế sẽ nhanh chóng mở rộng quan hệ hợp tác về kinh tế và tăng cường đầu tư vào Việt Nam. Điều này sẽ dẫn đến một tất yếu là sẽ cần đến hàng chục vạn công nhân kĩ thuật (CNKT) và kĩ thuật viên để đáp ứng cho nhu cầu về nhân lực của các chương trình hợp tác kinh tế giữa nước ta với các nước thành viên của WTO đang ngày càng phát triển nhanh chóng. Trong cơ chế thị trường, cầu tăng nhanh và mạnh là một cơ hội rất thuận lợi để mở rộng cung và phát triển hệ thống GDNN.

1.2. Do dư âm của cơ chế kế hoạch hoá tập trung và quan liêu bao cấp trước đây, hệ thống GDNN của nước ta hiện nay đang có nhiều vấn đề cần được đổi mới để tiếp cận được với phương thức đào tạo nghề hiện đại và với cơ chế thị trường. Là thành viên của WTO, đào tạo là một lĩnh vực dịch vụ được nhiều nước thành viên rất quan tâm, đặc biệt là trong lĩnh vực đào tạo nghề vì để phát triển các doanh nghiệp của họ ở Việt Nam, họ cần có một đội ngũ đông đảo CNKT có đủ năng lực theo yêu cầu của họ. Trong quá trình hội nhập, các nhà quản lí cũng như các GV sẽ học tập được nhiều kinh nghiệm trong thực tiễn để đổi mới hệ thống GDNN của chúng ta.

1.3. Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến dạy nghề (DN). Ngoài những dự án, chương trình trọng điểm và tăng cường đầu tư hàng năm cho DN; gần đây Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã công bố dành 1 tỉ USD cho hệ thống DN để phát triển công tác tư vấn, hướng nghiệp, DN và giải quyết việc làm cho thanh niên trong giai đoạn 2007-2010. Với sự quan tâm to lớn này, hệ thống GDNN có cơ hội để được tăng cường đầu tư và phát triển nhanh chóng trong thời gian tới.

1.4. Khác với tư duy bao cấp trước đây, trong quá trình hội nhập và cổ phần hoá trong cơ chế thị trường cạnh tranh, các nhà doanh nghiệp Việt Nam cũng đã ít nhiều thay đổi được nhận thức về tầm quan trọng của đội ngũ LĐKT đối với sự sống còn và sự phát triển của họ. Do vậy, họ cũng đã quan tâm hơn đến hệ thống đào tạo, đặc biệt là đến đội ngũ CNKT lành nghề. Đây cũng là một cơ hội, điều mà hệ thống GDNN đã mong mỏi từ lâu nhưng chưa có được.

1.5. Theo Luật Giáo dục 2005, hệ thống GDNN đã có những thay đổi. Trước đây các cô tú, cậu tú vào học trường DN 1-2 năm sau khi tốt nghiệp cũng chỉ được lĩnh bằng nghề và chỉ được coi là sơ cấp. Nay tốt nghiệp các trường DN được nhận bằng Trung cấp nghề hoặc Cao đẳng nghề. Với sự thay đổi này, hệ thống GDNN đã tạo nên một sự hấp dẫn hơn đối với học sinh và thanh niên. Đây cũng là một cơ hội lớn đối với sự phát triển của hệ thống GDNN.

1.6. Nhu cầu học nghề của thanh thiếu niên và nhân dân lao động ngày càng tăng. Ngày nay, trong một xã hội công nghiệp và dịch vụ hiện đại, nếu không được học nghề, dầu chỉ là dăm ngày hoặc một tuần lễ cũng ít cơ hội tìm được việc làm. Nước ta không thể trở thành một nước công nghiệp nếu không thực hiện được CNH nông nghiệp, HĐH nông thôn. Do vậy, hàng chục triệu nông dân Việt Nam và con em của họ cần được đào tạo nghề để li nông bất li thôn trong quá trình CNH, HĐH đất nước. Nhà nước đã có một chương trình đầu tư lớn để phát triển DN cho lao động nông thôn. Đây cũng là một cơ hội thuận lợi để các hình loại cơ sở DN ngắn hạn phát triển nhanh chóng ở các vùng nông thôn.

1.7. Nhận thức của xã hội, phụ huynh học sinh và học sinh đối với việc học nghề cũng đã có nhiều thay đổi. Trước đây, học sinh phải vào học nghề được coi như là bước đường cùng. Nhưng ngày nay, nhiều trường DN, đặc biệt là cao đẳng nghề, tỉ lệ học sinh trúng tuyển vào trường trên số học sinh dự thi hàng năm còn cao hơn ở nhiều trường đại học.

Những cơ hội nêu trên là thời cơ ngàn năm có một, hệ thống GDNN cần tận dụng triệt để để có thể phát triển nhanh chóng và hoàn thành sứ mệnh cao cả của mình nhằm phát triển nhân lực cho đất nước trong quá trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế.

2. Thách thức

Bên cạnh những cơ hội nêu trên, trong quá trình hội nhập, hệ thống GDNN của chúng ta đang đứng trước những thách thức to lớn.

2.1. Chất lượng và hiệu quả đào tạo

Thách thức hàng đầu đối với GDNN là chất lượng sản phẩm đào tạo và hiệu quả đào tạo. Chất lượng và giá thành của mọi thứ sản phẩm kể cả sản phẩm của giáo dục là những yếu tố quyết định sự thành bại, thắng thua trong cơ chế thị trường cạnh tranh.

Về chất lượng, cho đến nay, các trường DN và trung cấp chuyên nghiệp đào tạo nhân lực cho các doanh nghiệp của chúng ta đa phần đang sử dụng các công nghệ lạc hậu, trong điều kiện lao động thủ công là chủ yếu. Do vậy, chất lượng sản phẩm đào tạo đang được các nhà doanh nghiệp chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập, những công nghệ hiện đại, những phương tiện sản xuất tiên tiến nhất sẽ được sử dụng ở nước ta, đòi hỏi người CNKT và kĩ thuật viên phải có những kiến thức, kĩ năng mới với trình độ chuẩn cao hơn - chuẩn khu vực và chuẩn quốc tế trong khi trình độ GV và các điều kiện bảo đảm chất lượng như chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của chúng ta lại rất thiếu thốn và lạc hậu. Đây là một thách lớn đối với hệ thống GDNN trong thời gian tới.

Về hiệu quả, cho đến nay, các cơ sở đào tạo ở nước ta chưa hề đề cập tới tính kinh tế trong đào tạo. Do được bao cấp nên đã và đang có rất nhiều lãng phí trong quá trình sử dụng kinh phí Nhà nước cấp, vì vậy đã làm giảm hiệu quả trong của đào tạo. Bên cạnh đó, đào tạo chưa gắn với nhu cầu của thị trường lao động, với sử dụng nên một tỉ lệ không nhỏ học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp không tìm được việc làm hoặc phải làm những công việc không phù hợp với ngành nghề và trình độ đào tạo làm cho hiệu quả ngoài của đào tạo trở nên thấp. Với chủ trương xã hội hoá giáo dục và phân cấp quản lí, giao nhiều quyền chủ động cho các cơ sở đào tạo, nếu các cơ sở đào tạo không quan tâm đến giá thành và hiệu quả đào tạo thì khó lòng có thể cạnh tranh để tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường.

2.2. Sự mâu thuẫn giữa nâng cao chất lượng và mở rộng quy mô đào tạo

Thách thức thứ 2 là sự mâu thuẫn giữa nâng cao chất lượng và mở rộng quy mô đào tạo trong

khi khả năng xã hội hoá giáo dục chưa cao, các nguồn lực để phát triển GDNN còn hạn hẹp, đặc biệt là nhân lực làm giáo dục.

Nâng cao chất lượng đào tạo là một yêu cầu cấp bách để hệ thống GDNN của chúng ta đủ sức cạnh tranh và hội nhập quốc tế như đã nêu trên. Mặt khác, phải mở rộng quy mô đào tạo, đặc biệt là đào tạo ngắn hạn cho nông dân và con em của họ để thực hiện CNH nông nghiệp và HĐH nông thôn trong quá trình CNH, HĐH đất nước nhằm mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 nước ta sẽ trở thành một nước công nghiệp hiện đại. Do vậy, cả hai nhiệm vụ quan trọng nêu trên của GDNN nước ta trong thời gian tới, không thể coi nhẹ nhiệm vụ nào. Trong khi đó, các nguồn lực để phát triển GDNN thì còn rất hạn chế. Trong các nguồn lực, đội ngũ GV cần được đặc biệt quan tâm vì đội ngũ này giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và xây dựng một đội ngũ GV có chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu ngành nghề và trình độ phải mất hàng chục năm mới có được.

- Về số lượng giáo viên DN (GVDN): Theo báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội, năm học 2003-2004 tỉ lệ GV/HS của các trường DN là 1/28, chỉ mới đạt chuẩn quy định. Như vậy, các trường DN đang thiếu khoảng 7000 GV để có thể chuẩn hoá. Với Chiến lược phát triển DN đến năm 2010, các trường DN sẽ phải cần đến 20.000 GV, nếu kể cả các cơ sở đào tạo nghề ngắn hạn thì số GVDN cần có là 90.000 người. Đối với trung cấp chuyên nghiệp bức tranh cũng tương tự. Như vậy, về số lượng, GV của hệ thống GDNN đang thiếu nghiêm trọng và sẽ là một thách thức lớn để phát triển GDNN trong thời gian tới.

- Về chất lượng: GV của hệ thống GDNN là một loại GV có nhiều đặc thù, họ vừa phải có nhân cách của một nhà giáo, vừa phải có nhân cách của người CNKT lành nghề, vừa là nhà kĩ thuật đồng thời là nhà quản lí giáo dục và quản lí sản xuất. Mặt khác, GDNN gắn với sản xuất nên chịu tác động rất mãnh liệt của sản xuất. Do vậy, để hoàn thành được nhiệm vụ của mình, GV phải thường xuyên tiếp cận được với những thay

đổi nhanh chóng của công nghệ và phương tiện trong sản xuất hiện đại, cũng như với phương pháp dạy học mới trong thời đại công nghệ thông tin. Trong khi GV của chúng ta đã quen với phong cách và phương pháp dạy học truyền thống, thiếu kiến thức và kĩ năng về các phương pháp dạy học hiện đại, thiếu kiến thức về ngoại ngữ và tin học. Đó là một thách thức lớn đối với đội ngũ GV của chúng ta trong quá trình hội nhập và cạnh tranh.

- Về cơ cấu ngành nghề: Điều đáng quan tâm nhất là cơ cấu ngành nghề đào tạo GVDN. Hàng chục năm nay, các trường sư phạm kĩ thuật của cả nước chỉ mới có khả năng đào tạo GV cho 21 ngành nghề; trong khi đó, theo Danh mục nghề đào tạo hiện hành, các trường DN đang đào tạo 226 nghề và các trường trung học chuyên nghiệp (trung cấp chuyên nghiệp) đang đào tạo 103 ngành khác nhau. Như vậy, GV của hơn 200 nghề và khoảng 85 ngành còn lại chưa có nơi nào đào tạo. Vậy, đến bao giờ chúng ta mới có thể chuẩn hoá được GVDN về ngành nghề đào tạo?

Cũng do tình trạng này mà GV của 21 nghề đang được các trường sư phạm kĩ thuật đào tạo hàng chục năm nay đã trở nên bảo hòa, số sinh viên tốt nghiệp hàng năm chỉ một tỉ lệ nhỏ, khoảng 20% được tuyển dụng làm GV, phần lớn còn lại phải tìm việc khác, làm cho đội ngũ GV được đào tạo ngày càng mất cân đối nghiêm trọng và việc đào tạo GV trở nên kém hiệu quả. Đây là một thách thức lớn đối với sự phát triển GDNN trong thời gian tới, cần có giải pháp để giải quyết kịp thời.

2.3. Nội dung chương trình và tổ chức quá trình đào tạo GDNN chưa tương thích với yêu cầu về hội nhập

Nội dung chương trình đào tạo của chúng ta hiện nay đang được xây dựng chủ yếu theo phương pháp tiếp cận nội dung với hệ thống các môn học cứng nhắc, nặng về lí thuyết nhẹ thực hành và chưa quan tâm đến kết quả đầu ra, đến mục tiêu là sau khi tốt nghiệp, học sinh, sinh viên cần có những năng lực gì để có thể hoàn thành được những công việc mà họ phải hoàn thành trong quá trình lao động nghề nghiệp. Do



vậy, chúng ta dạy nhiều điều mà người lao động không cần; ngược lại, một số điều mà người học và sản xuất cần thì chúng ta lại không dạy. Đây là lí do cơ bản để lí giải tại sao các doanh nghiệp đang cần rất nhiều LĐKT mà một tỉ lệ không nhỏ học sinh, sinh viên tốt nghiệp lại không tìm được việc làm.

Về tổ chức quá trình đào tạo GDNN, chúng ta đang thực hiện đào tạo theo học chế niên chế với kế hoạch dạy học gồm các môn học cứng nhắc, chưa thiết kế được chương trình đào tạo liên thông giữa các trình độ đào tạo: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng nên chưa tạo điều kiện cho người học có thể cần gì học nấy, học suốt đời để không ngừng nâng cao trình độ mà không phải học lại những điều đã học.

Chúng ta đã là thành viên của WTO, các nước thành viên khác trong một tương lai gần sẽ mở các trường DN và trường kĩ thuật ở nước ta. Nếu chúng ta không nhanh chóng đổi mới nội dung chương trình đào tạo và tổ chức quá trình đào tạo theo học chế tín chỉ liên thông thì hệ thống GDNN của chúng ta khó lòng cạnh tranh và phát triển trong quá trình hội nhập quốc tế về giáo dục.

3. Một số kiến nghị

Để vượt qua được những thách thức nêu trên nhằm đủ sức cạnh tranh và hội nhập quốc tế, chúng tôi xin kiến nghị một số giải pháp sau đây:

3.1. Nhanh chóng xây dựng hệ thống chuẩn các trình độ đào tạo làm cơ sở cho việc xây dựng các chương trình đào tạo liên thông và đánh giá chất lượng đào tạo cũng như làm cơ sở cho việc so sánh trình độ đào tạo tương quan giữa nước ta với các nước.

3.2. Xây dựng chương trình đào tạo các ngành nghề và trình độ theo năng lực thực hiện liên thông giữa các trình độ. Để làm được việc này, trước hết cần xây dựng và ban hành chương trình khung (CTK) mới, thực sự là "khung". CTK vừa được Bộ LĐTB&XH ban hành theo Quyết định Số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH là quá chi tiết, quy định đến 80% nội dung đào tạo của CTK của nghề là phần cứng, bắt buộc các trường phải

theo. Như vậy, không còn ý nghĩa là CTK và sẽ làm hạn chế sự thích ứng của CT đào tạo nghề với yêu cầu về nhân lực của thị trường lao động vốn rất đa dạng và mang nhiều đặc thù kinh tế khác biệt của từng vùng, từng địa phương.

3.3. Đổi mới quá trình đào tạo từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ để tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể cần gì học nấy, học suốt đời theo cơ chế tích lũy tín chỉ, đồng thời đáp ứng được yêu cầu rất đa dạng về trình độ nhân lực của sản xuất.

3.4. Đổi mới về cơ bản phương thức đào tạo giáo viên cho hệ GDNN bằng cách mở rộng đầu vào, tuyển sinh công nhân các ngành nghề khác nhau đã qua sản xuất, đào tạo tiếp các học phần/mô đun về kĩ thuật và sư phạm để trở thành GVKT cho các ngành nghề khác nhau mà hiện nay chưa có trường nào đào tạo.

3.5. Cần cải tổ hệ thống GDNN, đưa trung cấp chuyên nghiệp và DN về một đầu mối quản lí Nhà nước để khắc phục tình trạng một hệ thống GD có 2 loại hình trung cấp: trung cấp nghề và trung cấp chuyên nghiệp, 2 loại hình cao đẳng: cao đẳng nghề và cao đẳng công nghệ với mục tiêu đào tạo như nhau, nhưng lại có 2 chương trình khung khác nhau và không thể liên thông với nhau, làm trở ngại cho việc thực hiện chủ trương đào tạo liên thông của Nhà nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ LĐTB&XH. *Quyết định Số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH. Quy định về chương trình khung trình độ Trung cấp nghề, chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề, 04/01/2007.*
2. Chính phủ. *Báo cáo về tình hình giáo dục, (Báo cáo chi tiết), Hà Nội, 9/2004.*
3. Nguyễn Minh Đường, Phan Văn Kha (Đồng Chủ biên), *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.* NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2006.

SUMMARY

The article describes opportunities and challenges to Vietnam's vocational education in the context of Vietnam's entry into WTO.